

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

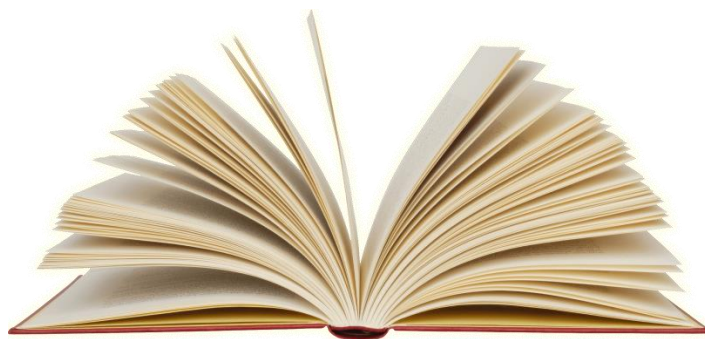


KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA

Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô

Niên khóa: 2022 – 2025 (C22A)

Trình độ: Cao đẳng



TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 08 NĂM 2022

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

(Xây dựng theo Thông tư số: 03/2017/TT-BLDTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

I. Thông tin ngành nghề:

- Tên ngành nghề: Công nghệ kỹ thuật ô tô
- Mã ngành nghề: 6510202
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Loại hình đào tạo: Đào tạo theo tín chỉ
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương.
- Thời gian đào tạo: 2,5 năm học (hoặc 5 học kỳ)
- Số tín chỉ: 90
- Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Kỹ sư thực hành

II. Mục tiêu đào tạo:

1. Mục tiêu chung:

Đào tạo kỹ sư thực hành ngành Công nghệ Kỹ thuật ô tô có phẩm chất chính trị, có đạo đức nghề nghiệp; có ý thức cộng đồng, có tác phong công nghiệp; có kiến thức chuyên môn; kỹ năng toàn diện; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề, thực hiện các công việc về bảo dưỡng và sửa chữa các loại xe ô tô đảm bảo đúng qui trình và yêu cầu kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng học tập nâng cao trình độ; có sức khỏe; có thể đáp ứng được các vị trí công việc tại các garage, xưởng sửa chữa ô tô, các trung tâm bảo hành của các hãng xe ô tô, các cơ sở kinh doanh, buôn bán ô tô và phụ tùng xe ô tô, các nhà máy lắp ráp ô tô, nhà máy sản xuất linh kiện và các công ty vận tải hoặc tham gia giảng dạy thực hành ở các cơ sở đào tạo nghề về sửa chữa ô tô.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kiến thức:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về điện – điện tử, cơ kỹ thuật, vẽ kỹ thuật, vật liệu cơ khí, khí nén – thủy lực ... cho việc tiếp thu kiến thức chuyên môn nghề công nghệ kỹ thuật ô tô;

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các hệ thống trên động cơ, hệ thống treo, lái, phanh, truyền lực và điện ô tô;
- Trình bày được qui trình bảo dưỡng của các hệ thống trên động cơ, hệ thống treo, lái, phanh, truyền lực và điện ô tô;
- Nhận biết và trình bày được cách vận hành các thiết bị và dụng cụ sử dụng trong chuyên môn nghề;
- Chẩn đoán và xác định được các sai hỏng của ô tô;
- Phân tích được các nguyên nhân gây sai hỏng của các hệ thống trên động cơ, hệ thống treo, lái, phanh, truyền lực và điện ô tô;
- Trình bày được các phương pháp và công nghệ sửa chữa cho ô tô;
- Trình bày được các qui trình vận hành và kiểm tra cho ô tô;
- Mô tả được các phương pháp hiệu chỉnh các thông số làm việc của các hệ thống trên ô tô, bảo đảm đúng các điều kiện qui định của nhà sản xuất;
- Tiếp thu và chuyển giao được công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;
- Tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học do thực tiễn ngành nghề yêu cầu nhằm khai thác và sử dụng tốt nhất các công nghệ kỹ thuật tiên tiến.
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

b) Về kỹ năng:

- Bảo dưỡng xe đúng qui trình, đảm bảo các thông số và yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất;
- Thực hiện đúng các qui trình kiểm tra và chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô;
- Dự đoán chính xác các sai hỏng của ô tô;
- Tháo và lắp thành thạo các chi tiết, các cơ cấu và hệ thống trên ô tô;
- Thực hiện sửa chữa đúng quy trình, qui phạm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;
- Lập được kế hoạch tổ chức sửa chữa và quản lý các công việc phù hợp với các điều kiện nơi làm việc;
- Sử dụng thành thạo các thiết bị và dụng cụ dùng cho chuyên môn nghề;

- Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp;
- Thực hiện kiểm định, thử nghiệm, khai thác và sử dụng các dịch vụ kỹ thuật ô tô trong thực tế xã hội hiện nay;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

c) Về thái độ:

- Chấp hành tốt các qui định pháp luật, chính sách của nhà nước;
- Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- Giải quyết tốt công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện môi trường làm việc thay đổi;
- Thực hiện tác phong công nghiệp, có ý thức kỷ luật lao động cao, có trách nhiệm với công việc, thích ứng với môi trường lao động trong bối cảnh hội nhập Quốc tế;
- Chấp hành tốt các nội qui, qui định tại nơi làm việc, có năng lực tự chủ, sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ khi được giao;
- Học hỏi, rèn luyện tính cẩn thận, chịu khó, tập trung, sáng tạo để nâng cao kỹ năng thực hành đáp ứng yêu cầu công việc;
- Tuân thủ các yêu cầu bảo đảm an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp;
- Đánh giá được các kết quả công việc của mình và của các thành viên trong nhóm.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề tại nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp, cơ sở sửa chữa garage bao gồm:

- Bảo dưỡng ô tô;

- Sửa chữa động cơ;
- Sửa chữa hệ thống treo, lái, phanh và truyền lực ô tô;
- Sửa chữa điện ô tô;
- Kiểm tra chất lượng sản phẩm;
- Lắp ráp ô tô, các cơ sở dịch vụ và kinh doanh ô tô;
- Làm việc tại các cơ quan quản lý giao thông vận tải, cơ quan đăng kiểm phương tiện cơ giới và tham gia giảng dạy thực hành ở các cơ sở đào tạo nghề về sửa chữa ô tô.

IV. Phân bổ chương trình đào tạo:

STT	Mã MH	Tên môn học/mô đun	Số ĐVHT	Tổng số giờ	Lý thuyết	Thực hành, bài tập	Thi, kiểm tra	Phân bổ thời gian học (giờ)							Loại môn học
								Năm thứ 1			Năm thứ 2			N. 3	
								HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	
1	MH09	Cơ kỹ thuật	2	30	28	0	2	30							Môn Cơ sở ngành
2	MH10	Vật liệu và công nghệ kim loại	2	30	28	0	2	30							Môn Cơ sở ngành
3	MH11	Dung sai lắp ghép và đo lường KT	2	30	28	0	2	30							Môn Cơ sở ngành
4	MH12	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	3	60	30	27	3	60							Môn Cơ sở ngành
5	MH18	Thực tập cơ khí (Ngoại+Hàn)	2	90	10	76	4	90							Môn Cơ sở ngành
6	MH19	Động cơ ô tô	4	75	45	26	4	75							Môn Chuyên ngành
7	MH01	Giáo dục chính trị	5	75	70	0	5		75						Môn chung
8	MH03	Tin học	3	75	15	58	2		75						Môn chung
9	MH07	Điện kỹ thuật	2	30	28	0	2		30						Môn Cơ sở ngành
10	MH08	Điện tử cơ bản	2	30	28	0	2		30						Môn Cơ sở ngành
11	MH13	Nguyên lý – Chi tiết máy	2	30	28	0	2		30						Môn Cơ sở ngành
12	MH16	An toàn lao động	2	30	25	3	2		30						Môn Cơ sở ngành
13	MH20	Hệ thống nhiên liệu động cơ ô tô	4	75	45	26	4		75						Môn Chuyên ngành
14	MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2			30					Môn chung
15	MH21	Khung gầm ô tô	4	75	45	26	4			75					Môn Chuyên ngành
16	MH06	Tiếng Anh	6	120	42	72	6			120					Môn chung
17	MH15	Nhiệt kỹ thuật	2	30	28	0	2			30					Môn Cơ sở ngành
18	MH22	Hệ thống điện và điện tử ô tô	4	75	45	26	4			75					Môn Chuyên ngành
19	MH23	TT. BD-SC động cơ căn bản	2	90	21	65	4			90					Môn Chuyên ngành
20	MH24	TT. BD-SC động cơ xăng	2	90	21	65	4			90					Môn Chuyên ngành
21	MH25	TT. BD-SC động cơ diesel	2	90	21	65	4			90					Môn Chuyên ngành
22	MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4				60				Môn chung
23	MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4				75				Môn chung
24	MH17	Autocad	2	45	15	28	2				45				Môn Cơ sở ngành
25	MH26	TT. BD-SC Hệ thống phun xăng điện tử	2	90	21	65	4				90				Môn Chuyên ngành
26	MH27	TT. BD-SC Hệ thống phun dầu điện tử	2	90	21	65	4				90				Môn Chuyên ngành
27	MH28	TT. BD-SC hệ thống truyền lực	2	90	21	65	4				90				Môn Chuyên ngành
28	MH13	Công nghệ khí nén-thủy lực UD	2	30	28	0	2					30			Môn Cơ sở ngành
29	MH34	Hệ thống lái điều khiển điện tử	2	30	28	0	2					30			Môn Tự chọn CN
		Hệ thống treo điều khiển điện tử													Môn Tự chọn CN
30	MH30	TT. BD-SC trang bị điện ô tô 1	2	90	21	65	4					90			Môn Chuyên ngành
31	MH33	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	30	28	0	2						30		Môn Tự chọn CN
		Kỹ thuật kiểm định ô tô													Môn Tự chọn CN
32	MH29	TT. BD-SC hệ thống điều khiển	2	90	21	65	4							90	Môn Chuyên ngành
33	MH31	TT. BD-SC trang bị điện ô tô 2	2	90										90	Môn Chuyên ngành
34	MH32	Thực tập tốt nghiệp	5	225	15	205	5							225	Môn Chuyên ngành
Tổng cộng			90	2,295	909	1,189	107	315	345	105	495	450	150	435	

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Trâm